

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H2ỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**
Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày 23 - 11 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN H2ỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Ngô Duy Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân H2ện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh H2ền, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: Lâm Xuân T, sinh ngày 04/10/1992; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã M, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 10/12; con ông Lâm Văn H và bà Diệp Thị Th; vợ, con: chưa có; đoàn thể, đảng phái: Không; quá trình hoạt động: Không; tiền án: 01. Tại Bản án số: 25/2018/HS-ST ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân H2ện T xử phạt Lâm Xuân T 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2019); bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2021 đến nay (có mặt).

2. Bị hại:

2.1. Chị Liễu Thị P, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã M, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2.2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn D, xã H, H2ện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2.3. Chị Ninh Thị Khánh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố TX, thị trấn G, H2ện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lưu Kim T2, sinh năm 1994 ; địa chỉ: Thôn L, xã M, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Tiến N2, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, phường ĐX, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.3. Bà Diệp Thị T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn L, xã M, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.4. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.5. Anh Lưu Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn H, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.6. Anh Dương Văn Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, H2ện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4.2. Anh Nguyễn Quang H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4.3. Anh Dương Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Gia Khau, xã Trung Mỹ, H2ện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/3/2021, Lâm Xuân T một mình đi bộ đến nhà anh Lưu Kim T2 ở cùng thôn chơi, ăn uống. Tại nhà anh T2 lúc này có anh Trần Văn T, Lưu Minh Tiến, Lâm Văn Tư và Lưu M T. Trong khi đang ăn uống, chị Liễu Thị P (vợ anh T2) điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 88E1-217.06 đi làm về, dựng xe máy ở sân, để chìa khóa trên bàn trang điểm rồi đi tắm. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong, anh T2 rủ T và anh Tiến, anh Tư, anh Lưu M T đi chơi, uống nước, mọi người đều đồng ý. T đi ra cổng nghe điện thoại, lúc quay vào thấy mọi người đã đi hết, xung quanh không còn ai, nhìn thấy chiếc xe máy BKS 88E1-217.06 vẫn dựng ở sân. Do đang hết tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nêu trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đi vào trong nhà tìm chìa khóa thì phát hiện chiếc chìa khóa xe máy được móc cùng chìa khóa nhà để ở bàn trang điểm trong phòng ngủ của vợ chồng anh T2. T cầm chìa khóa ra mở khóa xe điều khiển đi ra đồi bạch đàn phía sau nhà anh T2 cất giấu rồi đi bộ về nhà ngủ. Sáng ngày 29/3/2021, T một mình đi bộ ra đồi bạch đàn để lấy xe máy đem bán, kiểm tra bên trong cốp xe thấy có 01 chiếc ví giả da, đã cũ bên trong có: 01 Giấy đăng ký xe máy BKS 88E1-217.06; 01 Giấy phép lái xe; 01 thẻ ATM đều mang tên Liễu Thị P và số tiền 150.000đ. T điều khiển xe đi xuống thành phố Phúc Yên vào Cửa hàng mua bán xe máy N2 Phương gặp anh Nguyễn Tiến N2 (chủ cửa hàng), đặt vấn đề muốn bán chiếc xe máy cho anh N2. Anh N2 hỏi nguồn gốc xe, T nói đây là xe của vợ T không dùng đến nên bán. Anh N2 yêu cầu đưa giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe để kiểm tra, T đưa cho anh N2 xem thẻ căn cước công dân của T và Giấy đăng ký xe máy mang tên Liễu Thị P. Anh N2 hỏi chứng minh nhân dân của chị P, T nói để ở nhà không đem theo. Sau khi kiểm tra xe và giấy tờ, anh N2 đồng ý mua chiếc xe nêu trên với giá 18.700.000đ, yêu cầu T viết giấy bán xe. T đồng ý, viết giấy bán xe, ký tên người bán Lâm Xuân T rồi bàn giao xe cùng Giấy bán xe, Giấy đăng ký xe máy cho anh N2. Anh N2 nhận tài sản, dùng điện thoại chụp lại thẻ căn cước công dân của T để phô tô lưu giữ rồi trả cho T 18.200.000đ, giữ lại 500.000đ và hẹn khi nào T cung cấp Giấy

chứng minh nhân dân của chị P sẽ trả đủ. T cầm tiền và cầm chiếc ví giả da bên trong có thẻ ATM, Giấy phép lái xe của chị Liễu Thị P cùng chùm chìa khóa nhà, bắt taxi đi xuống Bình Xuyên chơi, không nghe điện thoại của anh T2. Vài ngày sau khi bán xe, T đi đến bưu điện (T không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) gửi thẻ ATM, Giấy phép lái xe và chìa khóa về trả cho chị P, chiếc ví giả da vứt bỏ ở trên đường về, vị trí nào T không nhớ. Ngày 30/3/2021, anh T2 đi tìm phát hiện chiếc xe mô tô BKS 88E1-217.06 của gia đình đang ở tại Cửa hàng mua bán xe máy N2 Phương nên đã đến gặp anh N2 để chuộc xe. Tại đây, anh T2 giới thiệu mình là chủ xe bị mất trộm và đề nghị anh N2 cho chuộc chiếc xe nêu trên, anh N2 đồng ý nhận 18.200.000đ và trả xe cùng Giấy đăng ký xe cho anh T2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 338/KL-HĐĐG ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND H2ện T, kết luận: Giá trị của tài sản là 18.000.000đ.

Ngoài ra, Lâm Xuân T còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn H2ện T. Cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/4/2021, T đi bộ từ nhà đến Quán internet của anh Nguyễn Quang H2 chơi game. Một lúc sau, anh Nguyễn Văn T1 (người quen của T) cũng điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 88E1-215.14 đến quán chơi. Nhìn thấy anh T1, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh T1 đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên lợi dụng lúc anh T1 vừa đi ra ngoài quay vào, T đến hỏi mượn xe máy của anh T1 để đi gặp bạn lấy tiền xong sẽ quay về trả xe luôn. Anh T1 đồng ý, mở cốp xe lấy ví tiền và giấy tờ rồi giao xe và chìa khóa xe cho T. T điều khiển xe máy đi thẳng xuống nhà anh Lưu Văn M để cầm cố chiếc xe nêu trên. Tại đây, T gặp, nói với anh M chiếc xe BKS 88E1-215.14 là của T và đặt vấn đề muốn để lại chiếc xe cho anh M làm tin để vay số tiền 8.000.000đ đi giải quyết công việc, vài ngày sau sẽ quay lại trả tiền, lấy xe. Anh M đồng ý cho T vay 8.000.000đ. Do quen biết từ trước nên anh M không yêu cầu T để lại giấy đăng ký xe, hai bên không viết giấy tờ gì. Có được tiền từ việc cầm cố xe, T bắt taxi đi xuống H2ện Bình Xuyên chơi, tiêu xài cá nhân, tắt điện thoại để cắt liên lạc với anh T1. Khoảng 13 giờ cùng ngày không thấy T đem xe về trả, liên hệ điện thoại với T không được, anh T1 nhờ bạn là anh Đỗ Văn H1 đi tìm thì được biết chiếc xe nêu trên đang ở nhà anh M. Khoảng 17 giờ cùng ngày 01/4/2021, anh T1 đến, giới thiệu với anh M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 88E1-215.14 là của vợ chồng anh và đặt vấn đề muốn chuộc lại xe. Anh M đồng ý nhận số tiền 8.000.000đ và trả lại chiếc xe nêu trên cho anh T1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 258/KL-HĐĐG ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND H2ện T, kết luận: Giá trị của tài sản là 24.000.000đ.

Ngoài ra, khoảng 14 giờ ngày 03/4/2021, trong lúc đang đi bộ đi chơi tại thôn Quang Sơn, xã M, H2ện T, T phát hiện phòng trọ của chị Ninh Thị Khánh N khóa cửa, không có ai ở nhà, cửa bếp xập xệ, kính bị nứt nên nảy sinh ý định cạy cửa để đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. T trèo tường vào bên trong, dùng tay đẩy ô kính của cửa bếp làm tấm kính bị vỡ rồi thò tay mở chốt then ngang, mở cửa đi vào bếp, đi lên nhà. T quan sát thấy có 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy để ở trên giường

ngủ nên cầm lấy rồi tiếp tục quan sát phát hiện tủ để đồ không khóa. T mở tủ thấy tại ngăn cuối cùng có 1 cọc tiền gồm nhiều tờ mệnh giá 500.000đ, 200.000đ, 100.000đ để ở trong túi giấy nên cầm lấy toàn bộ số tiền này để vào trong 1 túi giấy khác và cầm chiếc máy tính bảng để vào trong túi giấy này treo tường đi ra ngoài. T gọi điện thoại vào tổng đài Hãng taxi Thịnh H1 yêu cầu 1 xe taxi. Một lúc sau, anh Dương Văn C điều khiển xe taxi đến đón, T nói với anh C chở T về phòng trọ tại xã Trung Mỹ, H2ện Bình Xuyên nên anh C đưa T đến địa chỉ này, khi xuống xe, T xin số điện thoại của anh C để khi cần sẽ liên lạc. Tại phòng trọ, T kiểm đếm số tiền trộm cắp được 35.000.000đ. Khoảng 10 giờ ngày 04/4/2021, T muốn đi bán chiếc máy tính bảng lấy thêm tiền tiêu xài nên gọi điện thoại cho anh C đến đón và chở đến Cửa hàng mua bán điện thoại Q Mobile ở đường Tôn Đức Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Tại đây, T gặp và bán cho anh Dương Văn Q (chủ cửa hàng) chiếc máy tính bảng Samsung Galaxy với giá 5.000.000đ. Sau đó, T bắt xe sang tỉnh Bắc Ninh, tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình khám nghiệm hiện T, Cơ quan điều tra T3 giữ 01 túi giấy màu nâu có quai rách, 01 vỏ hộp máy tính bảng; ngày 05/4/2021, anh Dương Văn Q tự nguyện giao nộp 01 chiếc máy tính bảng Samsung Galaxy, đã cũ và 01 vỏ ốp máy tính bảng phục vụ điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 256/KL-HĐĐG ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND H2ện T, kết luận: Giá trị của tài sản là 6.500.000đ.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKSTĐ ngày 12/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lâm Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lâm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lâm Văn T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lâm Văn T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lâm Xuân T bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 8.000.000đ; chị Ninh Thị Khánh N số tiền 35.000.000đ; anh Dương Văn Q số tiền 5.000.000đ.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an H2ện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân H2ện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng T3 giữ, kết luận giám định, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã T3 thập được. Có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/3/2021, tại nhà anh Lưu Kim T2 ở thôn L, xã M, H2ện T, lợi dụng sơ hở, Lâm Xuân T trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 88E1-217.06 (trị giá 18.000.000đ) của chị Liễu Thị P, bên trong cốp xe có 150.000đ cùng một số giấy tờ.

Ngày 03/4/2021, tại phòng trọ của chị Ninh Thị Khánh N ở thôn Quang Sơn, xã M, H2ện T, lợi dụng chủ nhà đi vắng, T trộm cắp số tiền 35.000.000đ và 01 máy tính bảng Samsung Galaxy (trị giá 6.500.000đ).

Ngoài ra, ngày 01/4/2021, tại Quán internet của anh Nguyễn Quang H2 ở tổ dân phố Tích Cực, thị trấn Hợp Châu, H2ện T, do muốn có tiền tiêu xài, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 88E1-215.14 (trị giá 24.000.000đ) của anh Nguyễn Văn T1 đang quản lý, sử dụng. T đã dùng thủ đoạn gian dối là hỏi mượn anh T1 xe máy để đi gặp bạn lấy tiền sau đó đi thẳng đến nhà anh Lưu Văn M cầm cố xe cho anh M vay 8.000.000đ, T đã tiêu xài hết số tiền trên, không có khả năng chuộc lại tài sản.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“2. Phạm tội T3ộc một trong các T hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: (...)

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nH1 T3ộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe nH1 không chịu khó lao động, rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã lao vào con đường phạm tội.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo năm 2018 đã bị kết án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo T3ộc T hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với vụ án trộm cắp tài sản, cả hai lần trộm cắp tài sản của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với vụ án trộm cắp tài sản bị cáo đã bồi thường và khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện T tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và T3 nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người liên quan:

Đối với anh Nguyễn Tiến N2 khi mua xe mô tô BKS 88E1-217.06; anh Lưu Văn M nhận cầm cố chiếc xe mô tô; anh Dương Văn Q mua máy tính bảng của bị cáo T đều không biết đây là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh N2, anh Q và anh M là phù hợp.

Đối với anh Dương Văn C nhận nhiệm vụ từ tổng đài điều khiển xe taxi chở T đi về phòng trọ và đi bán chiếc máy tính bảng nH1 không biết việc bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô Honda Vision, BKS 88E1-217.06, 01 chiếc ví giả da, 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, chùm chìa khóa và số tiền 150.000đ là tài sản hợp pháp của chị P. Ngày 03/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nêu trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị P. Chị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo T đã trả 14.000.000đ cho anh T2 và nhờ bà Diệp Thị T3 (mẹ đẻ T) bồi thường cho anh T2 số tiền 5.000.000đ. Sau khi nhận đủ tổng số 19.000.000đ bồi thường, anh T2, chị P không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88E1-215.14 là tài sản hợp pháp của chị Tạ Thị H

(vợ anh T1). Ngày 06/8/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Anh T1 yêu cầu T phải bồi thường số tiền 8.000.000đ chuộc xe.

Đối với số tiền 35.000.000đ; chiếc máy tính bảng Samsung Galaxy; 01 vỏ ốp máy tính bảng; 01 vỏ hộp máy tính bảng; 01 túi giấy màu nâu là tài sản hợp pháp của chị N. Ngày 07/8/2021, Cơ quan điều tra đã trả các tài sản gồm: 01 máy tính bảng Samsung Galaxy, 01 vỏ ốp máy tính bảng, 01 vỏ hộp máy tính bảng, 01 túi giấy màu nâu cho chủ sở hữu. Đối với tấm kính của cửa bếp bị vỡ chị N xác định đã hết giá trị sử dụng, không yêu cầu định giá và không có yêu cầu, đề nghị gì. Chị N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 35.000.000đ; anh Dương Văn Q yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh số tiền mua máy tính bảng 5.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T1, chị N và anh Q. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có tiền để trả cho các bị hại và người liên quan. Xét thấy yêu cầu của anh T1, chị N và anh Q là phù hợp, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Xuân T 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Xuân T 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lâm Xuân T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/7/2021).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lâm Xuân T bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 8.000.000đ; chị Ninh Thị Khánh N số tiền 35.000.000đ; anh Dương Văn Q số tiền 5.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lâm Xuân T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an H2ện T;
- VKSND H2ện T;
- Chi cục THADS H2ện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Màu Văn Mùi